

Số: 105 /2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất,
kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón và Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hoá;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BNN ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam bao gồm 226 loại, được chia thành:

1. Phân trung vi lượng 14 loại;
2. Phân hữu cơ 04 loại;
3. Phân hữu cơ sinh học 24 loại;
4. Phân hữu cơ khoáng 32 loại;
5. Phân hữu cơ vi sinh 18 loại;
6. Phân vi sinh vật 01 loại;
7. Phân bón lá 133 loại;

Điều 2. Các tổ chức, cá nhân được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại phân bón tại Danh mục bổ sung này khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón và khoản 4 Điều 1 của Nghị định 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo. Loại khỏi Danh mục phân bón được phép sản xuất kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam đối với các loại phân bón dưới đây (*có danh sách kèm theo*) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Bộ KH&CN; Bộ Công thương;
- Tổng cục Hải Quan-Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ NN&PTNT;
- Các Cục, Vụ có liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TT.

Bùi Bá Bổng

BỘ NÔNG NGHIỆP			CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
DANH MỤC BỔ SUNG PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM				
(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /2008/QĐ-BNN ngày 22 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT)				
I. PHÂN TRUNG VI LƯỢNG				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Geno-SiCa	%	SiO ₂ : 30; CaO: 15; MgO: 10; P ₂ O ₅ : 5	CT TNHH PTKT mới Sinh Học Đông Dương
2	Vision	%	MgO: 9; Cu: 1,5; Zn: 1,5; B: 0,5; Mn: 4; Fe: 4; Mo: 0,1; Co: 0,005	CT TNHH Hồng Gia Phát
3	Nông Việt Đức 01	%	Mg: 2,8; Ca: 20; S: 1; Zn: 0,4; Cu: 0,2; B: 0,3;	CT TNHH Nông Việt Đức
		ppm	Mn: 239; Mo: 255; Fe: 40	
4	B52	%	Mg: 1,5; Ca: 26; S: 1; Zn: 0,4; Cu: 0,1; B: 0,3;	
		ppm	Mn: 1200; Mo: 129; Fe: 20	
5	Phusa - Mix	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-2; CaO: 0,05; MgO: 0,05; Cu: 0,05; Zn: 0,05; B: 0,02; Mn: 0,005; Fe: 0,01	CT TNHH Phân bón Phú Sa

6	Phusa - 02	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-2-1; CaO: 0,05; MgO: 0,05; Cu: 0,05; Zn: 0,05; B: 0,02; Mn: 0,005; Fe: 0,01	CT TNHH KTNN Phú Mỹ
7	PM-Zn	%	Zn: 30	
8	PM-Mg	%	Mg: 18	
9	PM-Cu	%	Cu: 24	
10	Siêu Vi Lượng 07	%	P ₂ O ₅ hh: 6; S: 2; CaO: 2; MgO: 2; SiO ₂ : 1,3	CT CP Phân bón Việt Mỹ
		ppm	Zn: 700; Cu: 700; Fe: 600; Mn: 300; NAA: 200	
11	Vi Lượng 09	%	P ₂ O ₅ : 10; CaO: 20; MgO: 1,7; SiO ₂ : 1,3	
		ppm	Zn: 500; Cu: 500; Fe: 500; Mn: 300; NAA: 200	
12	Siêu Bo - Việt Mỹ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-3-3; CaO: 2; MgO: 2; B ₂ O ₃ : 16	CT CP Phân bón Việt Mỹ
		ppm	Zn: 500; Cu: 500; Fe: 500; Mn: 300; NAA: 200	
13	Siêu Caxi - Việt Mỹ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-4; CaO: 25; MgO: 3	
		ppm	Zn: 500; Cu: 500; Fe: 400; Mn: 600	
14	Siêu Magiê - Việt Mỹ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; CaO: 2; MgO: 25	
		ppm	Zn: 400; Cu: 400; Fe: 300; Mn: 500	
II. PHÂN HỮU CƠ				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Hỗn hợp RIGER 4-4-3	%	HC: 54; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3,3-3	CT CP Jia Non Biotech (VN)

2	MV-BV	%	HC: 40; N-K ₂ O: 10-2	CT TNHH Miwon Việt Nam
3	MV (Liquid Cancium Nitrate)	%	HC: 30; N-K ₂ O: 5-1	
			pH: 6,5-7,5	
4	Cá Vàng 0-3-0+Vi lượng 4%	%	HC: 30; P ₂ O ₅ : 3; CaO: 4; MgO: 2; Cu: 0,25; Zn: 1,5; B: 0,5; Fe: 1	CT TNHH SX-TM Vân Nguyên; CT CP Phân bón Việt Nhật
III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Hoàng Khang Humic	%	HC: 30 (Axit Humic: 5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-2-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH Sản xuất, Thương mại A.B.T
		mg/kg	Ni: 14; Cr: 66,8; Hg: 0,04; Cd: 0,23; Pb: 8,6	
			pH: 7	
2	AMI-AMI-α	%	HC: 23 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2	CT Ajinomoto Việt Nam
3	Đầu Trâu Organic No1	%	HC: 25; Axit Humic: 1; N-P ₂ O ₅ _{hh} -K ₂ O: 5-3-2; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,02; Độ ẩm: 25	CT Phân bón Bình Điền
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	

		Cfu/g	Trichoderma: 1×10^6	
			pH: 5-7	
4	Đầu Trâu Organic No3	%	HC: 25; Axit Humic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-3; Mg: 0,2; Ca: 0,05; 0,02; Độ ẩm: 25	Penac K:
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
		Cfu/g	Trichoderma: 1×10^6	
			pH: 5-7	
5	Đầu Trâu Organic No4	%	HC: 25; Axit Humic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-1; Mg: 0,2; Ca: 0,05; 0,02; Độ ẩm: 25	Penac K:
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
		Cfu/g	Trichoderma: 1×10^6	
			pH: 5-7	
6	BPA	%	HC: 23; P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-2	CT TNHH TM&DV Đại Trường Thành
7	HAPHU ORGAMIC	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1	CT TNHH ĐT&PT Hoà Phú
8	SHINANO chuyên dùng cho rau và khoai tây	%	HC: 56,5 (Axit Humic: 4,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,1-5,5-0,66; Độ ẩm: 25	CT TNHH Hoàn Trọng
		ppm	VTM B1: 250	
		mg/kg	Cu: 410; Zn: 830	

9	ACB	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,5-1-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH Hoá Sinh Phong Phú
		ppm	B: 100; Cu: 50; Zn: 50; Mn: 80; Fe: 100	
			pH: 5,5-7	
10	REAL STRONG 4-16-16	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-16-16; Độ ẩm: 8	VPĐD thường trú Intraco Limited tại Tp. Hồ Chí Minh
			pH: 7	
11	REAL STRONG 10-5-20	%	HC: 50 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-5-20; Độ ẩm: 18	
			pH: 7	
12	REAL STRONG 5-5-5	%	HC: 50 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Độ ẩm: 18	
			pH: 6,2-6,8	
13	REAL STRONG 10-15-5	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-15-5; Độ ẩm: 8	
			pH: 7	
14	REAL STRONG 10-20-10	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-20-10; Độ ẩm: 8	
			pH: 5-6,5	
15	REAL STRONG 25-5-5	%	HC: 50 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 25-5-5; Độ ẩm: 18	
			pH: 5-6,5	

16	NASAMIX	%	HC: 25 (Axit Humic: 3); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-3-1; Mg: 1; CaO: 2; Độ ẩm: 25	CT Cổ phần Quốc tế Năm Sao
		ppm	Fe: 150; Cu: 200; Zn: 200	
			pH: 5-7	
17	Phú An PA (3-1,5-2,5)	%	HC: 25; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1,5-2,5; CaO: 5; MgO: 0,5; B: 0,02; Zn: 0,05; Fe: 0,03; Độ ẩm: 23	CT TNHH TMSX phân bón Phú An
			pH: 5,5-7	
18	Trâu Vàng số 1	%	HC: 25 (Axit Humic: 1); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-2-1; CaO: 1,5; MgO: 1,5; S: 1; Độ ẩm: 25	CT CP SX-TM- DV Thiên Minh VN
			pH: 6-7	
19	Trâu Vàng số 7	%	HC: 25 (Axit Humic: 2,3); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-1; CaO: 2,5; MgO: 2,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
			pH: 6-7	
20	HT-08	%	HC: 35 (Axit Humic: 4); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Độ ẩm: 25	CT CP TM Thiên Phú
21	Cá Vàng 3-3-2	%	HC: 25 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; MgO: 0,5; CaO: 0,5	CT TNHH SX- TM Vân Nguyên; CT CP Phân bón Việt Nhật
		ppm	Cu: 50; Zn: 200; B: 100	
22	Cá Vàng 0-3-0+ vi lượng 4%	%	HC: 30; P ₂ O ₅ : 3; MgO: 2; CaO: 4; Cu: 0,25; Zn: 1,5; B: 0,5; Fe: 1	

23	K-Humate Việt Mỹ	%	HC: 23 (Axit Humic: 3; Humate Kali: 4); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-1-1; MgO: 4; CaO: 2	CT CP Phân bón Việt Mỹ
		ppm	Zn: 200; Cu: 200; Fe: 60; Mn: 50; B: 50	
24	VH	%	HC: 23 (Axit Humic: 1); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH SXTM&DV Vương Huỳnh
			pH: 5-5,7	
IV. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Hoàng Khang 4-3-3	%	HC: 23 (Axit Humic: 3); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-3; Độ ẩm: 25	CT TNHH SX, TM A.B.T
			pH: 7	
2	Thế hệ mới AMC (AMIONE)	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-1; Độ ẩm: 25	CT TNHH XNK AMC
		ppm	B: 100; Cu: 50; Zn: 50; Mn: 80; Fe: 100	
3	Ban Mai 1 (BM1) NP: 4-21+ 30HC	%	HC: 30; N-P ₂ O ₅ : 4-21; Ca: 12,2	CT CP TM&SX Ban Mai
4	Ban Mai 3 (BM3) NPK: 15-14-5+ 20HC	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-14-5; Ca: 9,7	
5	Trăng Bom (2-4-2)	%	HC: 20 (Axit Humic: 5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2; Độ ẩm: 24	CS SX phân bón Hà Văn Vinh

6	Trăng Bom (3-4-1)		pH: 6	
		%	HC: 20 (Axit Humic: 5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-1; Độ ẩm: 24	
			pH: 6	
7	HAPHU ORGAMIC 2-3-3	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-3-3	CT TNHH ĐT&PT Hoà Phú
8	HAPHU ORGAMIC 2-4-2	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2	
9	HAC - 06	%	HC: 22; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-9-7; Ca: 0,4; Fe: 0,1; Zn: 0,07; Mg: 0,1; B: 0,025; Độ ẩm: 25	CT TNHH SXTM Hoàng Ân
10	ACB	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH Hoá Sinh Phong Phú
		ppm	B: 100; Cu: 50; Zn: 50; Mn: 80; Fe: 100	
11	Phú An PA (4,5-4-3)	%	HC: 25; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,5-4-3; CaO: 5; MgO: 0,5; B: 0,02; Zn: 0,05; Fe: 0,03; Độ ẩm: 23	CT TNHH TMSX phân bón Phú An
12	Huvico - B.01	%	HC: 17; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-5-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH Hưng Việt
		ppm	Zn: 200; B: 200; Mn: 100; Mg: 900	
			pH: 5,5-6,5	
13	Huvico - B.02	%	HC: 17; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-6; Độ ẩm: 25	
		ppm	Zn: 200; B: 50; Mn: 100; Mg: 900	
			pH: 5,5-6,5	

14	Hữu cơ hỗn hợp RIGER 4-3-3	%	HC: 54; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3,3-3	CT CP Jia Non Biotech (VN)
15	Hữu cơ khoáng 3-5-2	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-2	DNTN Lâm Bưu; CT CP Việt Ý
16	Hữu cơ khoáng NPK 3-3-3	%	HC: 40; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3	
17	SUPER-OM	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-2-2; CaO: 3; Mg: 1; Độ ẩm: 25	CT Cổ phần Quốc tế Năm Sao
		ppm	Fe: 150; Cu: 200; Zn: 200	
18	LÂN-NĂM SAO	%	HC: 20; P ₂ O ₅ : 10; CaO: 10; Mg: 6; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 150; Cu: 200; Zn: 200	
19	NT - Con Gà Thái - 012	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-2	CT TNHH - SX-TM & DV Nông Tiến
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
20	NT - Con Gà Thái - 013	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-5	CT TNHH - SX-TM & DV Nông Tiến
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
21	NT - Con Gà Thái - 014	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-2-2	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
22	Đa Lộc 01	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-2; Độ ẩm: 25	CT CP SX-TM Tân Đa Lộc

		ppm	Cu: 50; Mn: 200; Zn: 100	
			pH: 7	
23	Đa Lộc 02	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-8-4; Ca: 3; NAA: 0,2; Độ ẩm: 25	
		ppm	B: 50; Mn: 200; Zn: 200	
			pH: 7	
24	Đa Lộc 03	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-5-6; Ca: 3; GA3: 0,2; Độ ẩm: 25	
		ppm	B: 50; Mn: 200; Zn: 200	
			pH: 7-7,5	
25	BiKomix CN	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-3-3; Ca: 2; Mg: 1	CT CP Thiên Hà
		ppm	B: 50; Cu: 20; Zn: 130; Mn: 300	
		Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶	
26	Trâu Vàng số 9	%	HC: 18 (Axit Humic: 2,4); N-P ₂ O ₅ : 3-6; CaO: 2; MgO: 2,5; S: 1; Độ ẩm: 25	CT CP SX-TM-DV Thiên Minh VN
			pH: 6-7	
27	Trâu Vàng số 10	%	HC: 18 (Axit Humic: 2,4); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-4; CaO: 1; MgO: 1,5; S: 1; Độ ẩm: 25	
		ppm	B: 100; Cu: 100; Mn: 100; Zn: 300	
			pH: 6-7	

28	Hữu cơ khoáng	%	HC: 20 (Axit Humic: 1,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,5-3,2-2,5	CT TNHH SX TM Phân bón Trung Việt; CT TNHH Phân hữu cơ Bình Dương
29	CP1	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-1	TT NCPB&DD Cây Trồng; CT TNHH DVTM Việt Giang
30	CP2	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2	
31	CP3	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-4-3	TT NCPB&DD Cây Trồng
32	CP4	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-5	
V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Hoàng Khang BIO	%	HC: 30 (Axit Humic: 10); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-2; Độ ẩm: 30	CT TNHH Sản xuất, Thương mại A.B.T
		Cfu/ml	Bacillus sp, Azospirillum brasilense: 1x10 ⁶ mỗi loại	
			pH: 6,5	

2	Thế hệ mới AMC (VISIONE)	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm: 30	CT TNHH XNK AMC
		ppm	B: 100; Cu: 50; Zn: 50; Mn: 80; Fe: 100	
		Cfu/g	VSV (Phân giải lân, cố định đạm): 1x10 ⁶ mỗi loại	
3	HUCO	%	HC: 18; Axit Humic: 10; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-0,6; Độ ẩm: 30	CT CP Bông Tây Nguyên
		Cfu/g	VSV (Trichoderma, Streptomyces, Azotobacter, Bacillus megaterium): 1x10 ⁶ mỗi loại	
			pH: 6-7	
4	Trăng Bom	%	HC: 20 (Axit Humic: 5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-4-1; Độ ẩm: 28	CS SX phân bón Hà Văn Vinh
		Cfu/g	VSV phân giải lân: 1,4x10 ⁶	
			pH: 6	
5	HAC - 07	%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-1; B: 0,01; Zn: 0,01; Mn: 0,03; Độ ẩm: 29	CT TNHH SXTM Hoàng Ân
		Cfu/g	Trichoderma sp: 1x10 ⁶	
6	Phú An PA (2,5-2-1) + Trichoderma	%	HC: 25; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2-1; MgO: 0,05; B: 0,02; Độ ẩm: 30	CT TNHH TMSX phân bón Phú An
		Cfu/g	VSV phân giải lân, Trichoderma sp: 1x10 ⁶ mỗi loại	

7	LV-I	%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-8; Độ ẩm: 30	CT Cổ phần Long Vân
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
		Cfu/ml	VSV(N, P, X): 1x10 ⁶	
8	LV-II	%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-8; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
		Cfu/ml	VSV(N, P, X): 1x10 ⁶	
9	LV-III	%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-3-5; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
		Cfu/ml	VSV(N, P, X): 1x10 ⁶	
10	LV-IV	%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-3; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
		Cfu/ml	VSV(N, P, X): 1x10 ⁶	
11	LV-V	%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-5; Độ ẩm: 30	CT Cổ phần Long Vân
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
		Cfu/ml	VSV(N, P, X): 1x10 ⁶	
12	LV-VI	%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-1; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	

13	LV-VII	Cfu/m l	VSV(N, P, X): 1×10^6	
		%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-4; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
14	LV-VIII	Cfu/m l	VSV(N, P, X): 1×10^6	
		%	HC: 15 (Axit Humic: 0,5); P ₂ O ₅ : 3; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
15	NASA SMART	Cfu/m l	VSV(N, P, X): 1×10^6	CT Cổ phần Quốc tế Năm Sao
		%	HC: 25; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,5-5-1; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 30; Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2	
16	Đa Lộc	Cfu/m l	Actinomyces, Lactobacillus, paenibacillus: 1×10^6 mỗi loại	CT CP SX-TM Tân Đa Lộc
		%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-2,5-1,5; Ca: 3; S: 1; Độ ẩm: 30	
		ppm	Fe: 1000; Cu: 40; Mn: 600; Zn: 200	
		Cfu/m l	VSV (N,P,X): $8,8 \times 10^6$ mỗi loại	
17	Rồng Xanh		pH: 6,4	CT TNHH SXTMDV Thiên Phú Nông
		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm: 30	

		Cfu/m l	VSV (P,X): 1x10 ⁶ mỗi loại	
18	KOMIX-BL2	%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-1; Mg: 1	CT CP Thiên Sinh
		ppm	Mn: 200; Zn: 100	
		Cfu/m l	VSV (P): 1x10 ⁶	
VI. PHÂN VI SINH VẬT				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Cố định đạm Nitrofix	Cfu/m l	Azospirillum brasilense: 1x10 ⁸	CT TNHH Sản xuất, Thương mại A.B.T
VII. PHÂN BÓN LÁ				
TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Seawinner-Mushy	%	Rong biển: 20 (axit Alginic: 2); N: 8,5; MgO: 1,5; CaO: 15	CT TNHH Thương mại An Bình
			pH: 3-5	
2	Seawinner-Root	%	HC: 5 (Axit Humic: 3); Rong biển : 20 (Axit Alginic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-2-2	
			pH: 6-8	

3	Fishextract	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-1-3	
			pH: 5-9	
4	Hum-Super- Hum	%	Axit Humic: 7; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-10-5	
		ppm	Mg: 2000; Zn: 1500; S: 200; Mn: 100; Cu: 1000; Mo: 400	
			pH: 1,5-2,5	
5	Zura-01	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-2,5-0,9; Linoleate: 4; Glutamin: 1; Saccaro: 1; S: 1	CT TNHH An Lạc Thành
		ppm	Mn: 100; Cu: 100; Co: 50	
			pH: 5-7	
6	Zura-02	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-1,5; Linoleate: 6; Glutamin: 1; Saccaro: 2; S: 1	
		ppm	Mn: 100; Cu: 100; Co: 50	
			pH: 5-7	
7	Zura-03	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3,2-1,2; Linoleate: 5; Glutamin: 1; Saccaro: 1; S: 1	CT TNHH An Lạc Thành
		ppm	Mn: 100; Cu: 100; Co: 50	
			pH: 5-7	
8	Zura-Dưỡng cây	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-0,75; Linoleate: 3; Glutamin: 1; Saccaro: 1; S: 1	
		ppm	Mn: 100; Cu: 100; Co: 50	
			pH: 5-7	
9	AMC-Bội Thu (Hi-Kali)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-6-26; CaO: 3	CT TNHH XNK AMC

		ppm	B: 250; Mn: 250; Zn: 28; Cu: 12; Mo: 7; Fe: 120	
10	AMC Mùa Vàng (Seaweed Extra)	%	HC: 38; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-4-15	
		ppm	B: 250; Mn: 250; Zn: 28; Cu: 12; Mo: 7; Fe: 120	
11	AMC-Chitosan	%	Oligochitosan: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5	
		ppm	B: 250; Mn: 250; Zn: 28; Cu: 12; Mo: 7; Fe: 120	
			pH: 6,8	
12	AMC Dinh Dưỡng	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-5	
		ppm	B: 250; Mn: 250; Zn: 28; Cu: 12; Mo: 7; Fe: 120	
13	Ban Mai 4 (BM4) NPK: 12-12-8+ Vi lượng	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-12-8; Mg: 0,5; Cu: 0,07; Zn: 0,05; Mn: 0,02; B: 0,05	CT CP TM&SX Ban Mai
14	Ban Mai 5 (BM5) NPK: 4-4-3+ Vi lượng	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-3; Mg: 0,5; Cu: 0,07; Zn: 0,05; Mn: 0,02; B: 0,05	
15	Kỳ Nông	%	HC: 12,6; Axit Humic: 8; N-P ₂ O ₅ _{hh} -K ₂ O: 35-1,5-1	CT CP PT Công trình và UDCN Bắc Hà
16	Vi lượng MISURIN	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-4-6; MgO: 0,05; CaO: 0,15	CT TNHH Cát Thành

17	KANTO	ppm	Zn: 650; Cu: 180; Mn: 250; Fe: 500; B: 90	
		%	N-K ₂ O: 4-6	
		ppm	Zn: 250; Cu: 150; Mn: 250; Fe: 800; B: 90; α-NAA: 300	
18	Nutri-Phos	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-30-10; MgO: 3; CaO: 3; S: 1; GA3: 0,1	CT TNHH Công nghệ Dinh Dưỡng
		ppm	Zn: 500; Cu: 200; Mn: 200; Fe: 300; B: 100; Mo: 100	
19	Nutri-Pro	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-10-10; MgO: 3; CaO: 3; S: 1; GA3: 0,1	
		ppm	Zn: 500; Cu: 300; Mn: 200; Fe: 300; B: 100; Mo: 100	
20	Nutri - K	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-20-30; MgO: 3; CaO: 3; S: 1	
		ppm	Zn: 500; Cu: 250; Mn: 300; Fe: 200; B: 100; Mo: 100	
21	Nutri-Bo	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-16-32; MgO: 3; CaO: 3; S: 1	
		ppm	Zn: 500; Cu: 200; Mn: 300; Fe: 250; B: 1000; Mo: 100	
22	NPK Nông Hưng 18-19-30+TE chuyên lúa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 18-19-30	DN Tư nhân Đồng Thịnh
		ppm	B: 1000; Zn: 200; Cu: 80; Fe: 200	
23	NPK Nông Hưng 6-30-30+TE chuyên lúa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-30-30	
		ppm	B: 1000; Zn: 200; Cu: 80; Fe: 200	

24	NPK Nông Hưng 10-60-10+TE chuyên lúa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-60-10	CT TNHH Đồng Bằng Xanh (Green Delta Co., Ltd)
		ppm	B: 1000; Zn: 200; Cu: 80; Fe: 200	
25	NPK Nông Hưng 7-5-46+TE chuyên lúa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-46	
		ppm	B: 1000; Zn: 200; Cu: 80; Fe: 200	
26	Mammoth Chelax) Calcium Boron	%	Ca: 13,8; B: 1	
			pH: 5,6	
27	Mammoth (Chelax) Combi	%	MgO: 2; Fe: 1; Mn: 1; Zn: 3; S: 4	
			pH: 4,5-5,5	
28	Mammoth (Chelax) Sugar Express	%	Monosaccharide: 67; L-cysteine: 1,66; Axit Folic: 0,33	
			pH: 8-9	
29	Mammoth (Chelax) Lay-O	%	HC: 16 (có nguồn gốc từ rong biển); Hydrolyzed amino axit: 10	
			pH: 7-8	
30	Mammoth (Chelax) Zinc	%	Zn: 5; S: 5	
			pH: 4-5	
31	Nap Thai (Chelax) Rice	%	Zn: 5; MgO: 3,3; S: 5	

			pH: 5,5-6,5	
32	Gronta (Chelax)	%	CaO: 33; B: 4	
			pH: 5,5-6,5	
33	Sodial (Greensal)	%	Axit Hữu cơ (Polyhidrophenil-Carboxylic Axit): 40; CaO (chelate): 7	
			pH: 6,5-7	
34	Siêu Phì 30-10-10	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-10-10; B: 0,5; Zn: 0,1	CT TNHH Một thành viên DVPTNN Đồng Tháp (DASCO)
35	Siêu Năng 7-10-44	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-10-44; B: 0,3; Zn: 0,1	
36	Siêu Bông 10-40-10	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-40-10; Cu: 1; Mg: 0,2	
37	Siêu Đạt 16-16-8	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 16-16-8; Cu: 1; B: 0,4	
38	AF 153015	%	N: 19; MgO: 10	CT TNHH Thuốc bảo vệ thực vật Đồng Vàng
39	DORAHOA 02X	%	Thioure: 97; Zn: 0,1; B: 0,1	
40	AF Phì Trái	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-5-7; GA3: 0,5	CT TNHH Thuốc bảo vệ thực vật Đồng Vàng
41	AF Hạ Phèn	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-40-8; CaO: 0,4	

42	AF 10-50-10	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-50-10	
43	AF Hạt Nặng	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-10-44	
44	AF 16-16-8	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 16-16-8	
45	CALBOSUPER	%	CaO: 10; B: 4	
46	Ước Mơ Nhà Nông "M" (Agro Dream "M")	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,5-1,2-0,8	CT CP Kỹ thuật Môi Trường
		ppm	B: 130; Fe: 5; Zn: 2,5; Cu: 0,2; Glutamic axit: 24; Serine: 18; Histidine: 5; Glycine: 82; Alanine: 40; Arginine: 40; Valine: 8; Phenylalanine: 13; Leucine: 15; Proline: 7	
47	Ước Mơ Nhà Nông "D" (Agro Dream "D")	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,5-1,2-0,8	
		ppm	B: 140; Fe: 50; Zn: 3; Cu: 6; Glutamic axit: 6; Serine: 18; Histidine: 4; Glycine: 75; Alanine: 30; Arginine: 15; Valine: 2; Phenylalanine: 8; Leucine: 3; Proline: 6	
48	Ước Mơ Nhà Nông "C" (Agro Dream "C")	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,5-1,5-0,8	
		ppm	B: 130; Fe: 7,5; Zn: 2; Cu: 0,2; Glutamic axit: 35; Serine: 20; Histidine: 7; Glycine: 7; Alanine: 41; Arginine: 57; Valine: 13; Phenylalanine: 15; Leucine: 22; Proline: 6	
49	HAC - 01	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-10-5	CT TNHH SXTM Hoàng Ân
		ppm	Cu: 50; Fe: 100; Zn: 100; Mg: 100; Mn: 120; GA3: 120	

50	HAC - 02	%	N-P ₂ O ₅ : 14-30; B: 7; Cu: 2; Zn: 23; Mg: 17; Ca: 3	CT TNHH SXTM Hoàng Ân
51	HAC - 03	%	P ₂ O ₅ : 5; Axit Humic: 3; Fe: 0,1; Vitamin B1: 0,05; Vitamin C: 0,1; α - NAA: 0,02	
			pH: 6,5-7	
52	HAC - 04	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 420-120; Zn: 0,1; Mn: 0,05	
			pH: 6-6,8	CT TNHH-SX- TM & DV Nông Tiến
53	HAC - 05	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-30-30	
		ppm	Cu: 100; Zn: 200; Mg: 50; Mo: 70; B: 200	
54	HAC - 08	%	N: 12; CaO: 20; Cu: 0,06; Mn: 0,08; B: 0,08; Fe: 0,08; Zn: 0,03; Mg: 0,1	CT TNHH-SX- TM & DV Nông Tiến
55	NT-Con Gà Thái - 009	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-12-4	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
56	NT-Con Gà Thái - 010	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-10-10	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
57	NT-Con Gà Thái - 011	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5	

		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
58	VIMY - 01	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-6-5; α-NAA: 0,14	CT TNHH Hoá Nông Việt Mỹ
		ppm	MgO: 470; Fe: 300; Cu: 35; Zn: 90; Mn: 260	
59	VIMY - 02	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-5; MgO: 0,08; B: 0,03; α-NAA: 0,14	
		ppm	Cu: 35	
60	VIMY - 03	%	Axit Humic: 0,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-11-4; MgO: 0,3; B: 0,03; α-NAA: 0,15	
61	VIMY - 04	%	N: 11; CaO: 20; MgO: 2	CT TNHH Hoá Sinh Á Châu
		ppm	Zn: 90	
62	AC-Boron	g/l	B: 150; ph: 6-8	
			pH: 7	
63	AC 7-5-44+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44	
		ppm	B: 500; Zn: 100; Fe: 100; Mn: 50	
64	AC 10-60-10+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-60-10	
		ppm	B: 500; Zn: 100; Fe: 100; Mn: 50	
65	AC 30-10-10+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-10-10	

		ppm	B: 500; Zn: 100; Fe: 100; Mn: 50	
66	HT-3	%	HC: 28,83; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-5-5	CT TNHH SX- TM-DV Hồng Trang
		g/l	Ca: 0,26; Mg: 0,75; Fe: 0,24; B: 0,012; Mn: 0,01; S: 22,5	
		mg/l	Zn: 3,4	
			pH: 5-7	
67	HT-5	%	HC: 28,21; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-10	
		g/l	Ca: 0,3; Mg: 0,78; Fe: 0,3; B: 14,4; Mn: 0,01; S: 23,7	
		mg/l	Zn: 3,3	
			pH: 5-7	
68	HT-7	%	HC: 28,59; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-10	
		g/l	Ca: 0,3; Mg: 0,73; Fe: 0,27; B: 0,026; Mn: 0,01; S: 16,4	
		mg/l	Zn: 3,4	
			pH: 5-7	
69	HT-9	%	HC: 26,41; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-10-10	
		g/l	Ca: 0,25; Mg: 0,62; Fe: 0,26; B: 0,016; Mn: 0,01; S: 15,2	
		mg/l	Zn: 3,1	
			pH: 5-7	
70	Huvico - L.01	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-8-3	CT TNHH Hưng Việt
		ppm	Zn: 300; B: 70; Mn: 50	

			pH: 6,7	
71	Huvico - L.02	%	N-K ₂ O: 2-5	
		ppm	Mn: 200; Fe: 700; Mg: 900	
			pH: 7	
72	Huvico - L.03	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-3	
		ppm	Zn: 200; Mn: 100; Fe: 500; Mg: 700	
			pH: 7	
73	Cát Tiên - RH	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-35; Zn: 2; B: 0,5	
74	Cát Tiên 14-12-17	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 14-12-17	
		ppm	Fe: 500; Mn: 400; Cu: 500; Zn: 700; B: 200	
75	Cửu Long 12-5-5	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-5-5; NAA: 0,3	
		ppm	Fe: 600; Cu: 500; B: 200; Mo: 10	
76	Cửu Long - Q	%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-7	
		ppm	Fe: 600; Zn: 500; Mn: 250	
			pH: 7,2	
77	HT5	%	HC: 10; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-4-5	CT TNHH SXTM Hương

				Trung
		ppm	B: 250; Cu: 12; Zn: 28; Mn: 250; Mo: 7; Fe: 120	
78	FOLAMMINA Spray Dry P.S	%	N: 14,5; Aspartic: 2,08; Glycine: 1,3; Histidine: 0,21; Arginine: 1,98; Lysine: 0,18; Threonine: 0,49; Proline: 0,21; Tyrosine: 0,16; Methionine: 0,08; Cysteine: 0,05; Isoleucine: 0,23; Phenylalanine: 0,24	CT CP Jia Non Biotech (VN)
79	Amino Acid - Liquid	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-5-1; Ca: 0,03; Mg: 0,06; SO ₄ ²⁻ : 5,5; Cl: 0,7; Na: 0,75; Alanine: 0,4; Axit Glutamic: 2,1; Methionine: 0,1; Betaine: 2,7; Istidine: 0,3; Threonine: 2,8; Cysteine: 0,2; Lysine: 2,1; Tryptophane: 0,01	
80	LV-Humate 9-9-9	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 9-9-9; Mg: 0,2; Zn: 0,5; B: 1	CT Cổ phần Long Vân
		ppm	Fe: 400; Mn: 120; Cu: 300; Mo: 60; Co: 10	
			pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,2	
81	LV-Humat 5-5-5	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Mg: 0,2; Zn: 0,5; B: 1	
		ppm	Fe: 400; Mn: 120; Cu: 300; Mo: 60; Co: 10	
			pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,2	
82	LV-Humate 3-4-4	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-4-4; Mg: 0,2; Zn: 0,5; B: 1	
		ppm	Fe: 400; Mn: 120; Cu: 300; Mo: 60; Co: 10	
			pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,2	
83	LV-Humat 0-5-10	%	Axit Humic: 4; P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10; Mg: 0,2; Zn: 0,5; B: 1	

		ppm	Fe: 400; Mn: 120; Cu: 300; Mo: 60; Co: 10	
			pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,2	
84	KALICAO 7-5-46+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-46; S: 7,5	CT TNHH Minh Phương
		ppm	Mg: 500; Zn: 500; B: 1000; Mn: 500; Fe: 1000; Cu: 500; Mo: 5	
85	MI-BO-SUPER	g/l	B: 200	
			pH: 6,5	
86	BOCAX	g/l	B: 130; Ca: 130	
			pH: 6,8	
87	MI- HYDRO-PHOSPHATE	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 500-150; Mg: 75	CT TNHH Minh Phương
		mg/l	B: 500; Zn: 250; Cu: 200; Mn: 200	
			pH: 0,7	
88	COMPLEX	%	Mg: 9; Zn: 1,5; Fe: 4; Cu: 1,5; Mn: 4; B: 0,5; S: 3; Co: 0,005; Mo: 1	
89	NQ-CanxiBo	g/l	N: 100; Ca: 180; B: 1	CT TNHH SX- TM-DV Nhật Quang
90	NQ-Vi Lượng	g/l	Mg: 17; Zn: 15; B: 8	
91	NQ-Lá Xanh	g/l	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 150-40-110; Mg: 2; Fe: 1	
92	NQ-SỎ 1	g/l	HC: 150; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-3; Alanine: 0,5; Glycine: 0,26; Leucine: 0,24; Isolecine: 0,15; Threonine: 0,18; Proline: 0,13; Glutamic axit: 0,68; Tyrosine: 0,13; Aspartic axit: 0,16	

93	NQ-Dưỡng hoa đậu trái	g/l	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 80-70-120; B: 1; NAA: 0,6	
94	NQ-Dưỡng trái	g/l	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 60-70-130; B: 1; Axit Citric: 20; GA3: 3	
95	NQ-Ruby	g/l	N-K ₂ O: 50-80; B: 5; Zn: 16; Vitamin C: 6	
96	NQ-Kích Rễ	g/l	N-P ₂ O ₅ : 50-120; B: 1; Zn: 1; Vitamin C: 13	
97	VITAZYME	%	Fe: 1,92; Cu: 1; Zn: 0,09; Ascobic: 0,068	CT TNHH NAB
		mg/l	Triacotano (Melissylacohol): 0,33x10 ⁻³ ; Kinetin: 1; GA3: 0,13; Axit Indolacetic: 1	
		ppm	Biotin (Vitamin B7): 11,1; Axit Folic: 13; Niacin (Vitamin B3): 14,3; Axit Pantothenic: 241; Vitamin B1: 3,759; Vitamin B2: 144,4; Vitamin B6: 2,222; Vitamin B12: 2,8	
98	TUNG HP	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 440-74; MgO: 100	CT CP SX-TM- DV Ngọc Tùng
99	TUNG HUMIC	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-5-5	
		ppm	B: 500; Mn: 80; Zn: 200; Cu: 80; Fe: 100	
100	TUNG HT	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-30-30	CT CP SX-TM- DV Ngọc Tùng
		ppm	B: 200; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500; Fe: 1000	
101	TUNG TO HAT	%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 9-18; SiO ₂ : 4,32; Axit Fugamic: 20	

		ppm	Mg: 52; S: 17; Cu: 63; Fe: 47; Zn: 43; Mn: 30; B: 27; Mo: 19	
102	Nông Á Happyend chuyên dùng cho cà phê, tiêu	%	S: 18; Mg: 0,5; Zn: 5; B: 0,05; NAA: 0,05	CT TNHH Nông Á
103	Thần Nông	%	Ca: 2; Zn: 3; Mg: 0,1; B: 0,01; NAA: 0,01	
104	TNN - SIÊU LÂN chuyên dùng cho lúa	%	P ₂ O ₅ : 20; Zn: 2; NAA: 0,01	
105	TNN - 7-5-45 chuyên dùng cho lúa và cây ăn trái	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-40; Zn: 1; B: 0,1	
106	NORDOX Cu/Zn	%	Cu: 30; Zn: 30	CT Nordox As
107	Pro 5-30-10	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-30-10; B: 0,05	VPĐD Pacimex.LLC tại Việt Nam
			pH: 6-7	
108	Pro 0-31-23	%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 31-23; B: 0,05	
			pH: 6-7	
109	Phú An PA (5-4-6)+Axit Humic	%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-4-6; B: 0,02; Zn: 0,05; Fe: 0,03; α-NAA: 0,01	CT TNHH TMSX phân bón Phú An
			pH: 6	

110	MANGO-97	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-10-10	CT CP Sáng Thiện
111	HQ 201	%	α-NAA: 0,5; Vitamin B1: 0,25	CS Nông được Sinh Hoá Nông
		ppm	Zn: 200; B: 200	
			pH: 6-7	
112	Tăng trưởng Cây Trồng	%	Thiourea: 93; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 28,69-3,5-3,65	
113	Nutragreen	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,53-0,01-0,003; S: 0,02; B: 0,02; Lysine: 9	CT Lương thực Tiền Giang
		ppm	Fe: 2,57; Zn: 5,8	
			pH: 10,7	
114	TL-Smartfoliar K	%	N-K ₂ O: 10-35; Mg: 5; Zn: 3	DNTN TMDV&VTNN Tiền Nông
115	TL-Smartfoliar Cambei Liquid		N: 9; CaO: 15; B: 0,2; Mn: 0,5; Zn: 0,1	
116	UÛ VIỆT (Universal Essence Plus Organic Liquid Fertilizer)	%	HC: 11,29; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,51-6,75-5,47; MgO: 2,98; B ₂ O ₃ : 2,46	CT TNHH Cơ khí Thái Văn Thành
117	SUN 2	%	Axit Humic: 1; P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-3; SiO ₂ : 8	CT TNHH PTCN Thảo Điền

118	SUN 4	ppm	Zn: 100; Cu: 80; B: 1500	
			pH: 7,5	
		%	CaO: 2; B: 2; NAA: 0,5	
		ppm	VTM B1: 1000; VTM C: 1000	
			pH: 7	
119	BiKomix BFC 201	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,6-7,5-2,2; Humat Kali: 2	CT CP Thiên Hà
		ppm	Mg: 800; Zn: 200; Mn: 30; Cu: 100; B: 50	
120	Bio Green	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3,42-0,16-0,05; S: 0,07	CT TNHH DV-TM Thế Kỷ
		ppm	Zn: 8; MgO: 9; Fe: 15; B: 15	
			pH: 9,95	
121	Thần Mã Humat	%	Axit Humic: 6; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-2-3	CT TNHH Trí Nông
		ppm	Zn: 200; Cu: 80; Fe: 120; Mg: 400; B: 1000	
122	Mầm Xanh 20-20-20+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-20-20; S: 0,15; CaO: 0,25; MgO: 0,35	CT Cổ phần Vạn Trường An
		ppm	Zn: 500; Fe: 500; Cu: 500; Mn: 500; B: 500; Mo: 200; VTM B1: 200; NAA: 200; β-NOA: 200	
123	Mầm Xanh 10-55-10+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-55-10; S: 0,15; CaO: 0,25; MgO: 0,35	

		ppm	Zn: 500; Fe: 500; Cu: 500; Mn: 500; B: 500; Mo: 200; VTM B1: 200; GA3: 200; α -NAA: 200; β -NOA: 200	
124	Mầm Xanh 20-10-30+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-10-30; S: 0,15; CaO: 0,25; MgO: 0,35	CT Cổ phần Vạn Trường An GA3: 200; α -
		ppm	Zn: 500; Fe: 500; Cu: 500; Mn: 500; B: 500; Mo: 200; VTM B1: 200; NAA: 200; β -NOA: 200	
125	Mầm Xanh 30-15-10+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-15-10; S: 0,15; CaO: 0,25; MgO: 0,35	GA3: 200;
		ppm	Zn: 500; Fe: 500; Cu: 500; Mn: 500; B: 500; Mo: 200; VTM B1: 200; α -NAA: 200; β -NOA: 200	
126	PREMI	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-4-6; MgO: 0,05; CaO: 0,1	CT CP Thuộc Bảo vệ Thực vật Việt Trung
		ppm	Zn: 500; Cu: 150; Mn: 200; Fe: 500; B: 50	
127	ROMIO	%	N-K ₂ O: 5-6	
		ppm	Zn: 250; Cu: 100; Mn: 200; Fe: 400; B: 100; α -NAA: 500	
128	TTP 10-8-5+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-8-5	CT TNHH Một thành viên Trường Thành Phát
		ppm	Cu: 100; Mg: 150; Zn: 100; Mo: 80; B: 200; Mn: 80; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 150; GA3: 250	
			pH: 6-7	

129	TTP 4-8-4+TE+Axit Humic 5%	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-8-4; S: 2; Fe: 0,2; Mg: 0,35; Ca: 3,4; Zn: 0,04; NAA: 0,1	
			pH: 6-7	
130	Siêu Kali Việt Mỹ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-5-40	CT CP Phân bón Việt Mỹ
		ppm	Cu: 340; Zn: 360; Mo: 260; B: 350; Mn: 1050; Fe: 2100	
131	HI-KVH	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-6-45; B: 0,11; Cu: 0,004; Zn: 0,023; MgO: 0,29; α -NAA: 0,067	CT TNHH SXTM&DV Vương Huỳnh
132	Siêu-Humat VH	%	Axit Humic: 8; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-6-7; MgO: 0,3	
		ppm	Zn: 200; B: 900	
			pH: 7,2	
133	PHOSMAK	g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 430-160; MgO: 100	
		ppm	B: 690; Zn: 900	
			pH: 0,8	
Ghi chú: VSV(N,P,X): Vi sinh vật phân giải lân, xenlulo và cố định đạm				
			KT. BỘ TRƯỞNG	
			THỨ TRƯỞNG	
			BÙI BÁ BÔNG	

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÁC LOẠI PHÂN BÓN BI LOẠI BỎ KHỎI
DANH MỤC PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /2008/QĐ-BNN ngày 22 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT)

Quyết định số 40/2004/QĐ-BNN ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
4	Komix BL2	%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-1; Mg: 1	CT TNHH SX&TM Thiên Sinh
		ppm	Mn: 200; Zn: 100	
		Cfu/ml	VSV (P): 1x10 ⁶	

VI. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
44	Tiền Giang (5-5-2)	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-2	CT Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
45	Tiền Giang (3-3-5)	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-5	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
46	Tiền Giang (8-2-2)	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-2-2	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
256	TIGICAM - 1	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-12-4	CT TNHH-SX-TM & DV Nông Tiến
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
257	TIGICAM - 2	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-10-10	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	
258	TIGICAM - 3	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5	
		ppm	Mo: 300; B: 300; Cu: 300; Zn: 300	

Quyết định số 77/2005/QĐ-BNN ngày 23/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

II. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
68	Hữu cơ hỗn hợp RIGER 4-3-3	%	HC: 54; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3,3-3	CT TNHH Hữu Nông
83	Komix CN	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-3-3; Ca: 2; Mg: 1	CT CP Thiên Hà
		ppm	B: 50; Cu: 20; Zn: 130; Mn: 300	
		Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶	
99	Hữu cơ khoáng 3-5-2	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-2	DNTN Lâm Bưu
100	Hữu cơ khoáng NPK 3-3-3	%	HC: 40; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3	
107	CP3	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-4-3	TT

108	CP4	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-5	NCPB&DD Cây Trồng
-----	-----	---	--	----------------------

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
7	KOMIX-BL2	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-1; Mg: 1	CT CP Thiên Sinh
		ppm	Mn: 200; Zn: 100	
		Cfu/ml	VSV (P): 1x10 ⁶	

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
127	FOLAMMINA Spray Dry P.S	%	N: 14,5; Aspartic: 2,08; Glycine: 1,3; Histidine: 0,21; Arginine: 1,98; Lysine: 0,18; Threonine: 0,49; Proline: 0,21; Tyrosine: 0,16; Methionine: 0,08; Cysteine: 0,05; Isoleucine: 0,23; Phenylalanine: 0,24	CT CP Jia Non Biotech (VN)
228	BiKomix BFC 201	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,6-7,5-2,2; Humat Kali: 2	CT CP Thiên Hà
		ppm	Mg: 800; Zn: 200; Mn: 30; Cu: 100; B: 50	

Quyết định số 55/2006/QĐ-BNN ngày 7/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
----	--------------	--------	--	--------------------------

22	BPA	%	HC: 23; P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 1-2	CT TNHH CNTM&XNK Minh Hoàng
----	-----	---	--	-----------------------------------

VII. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
4	Ban Mai 1 (BM1) NP: 4-21+ 30HC	%	HC: 30; N-P ₂ O ₅ : 4-21; Ca: 12,2	CT CP Ban Mai Hải Phòng
5	Ban Mai 3 (BM3) NPK: 15-14-5+ 20HC	%	HC: 20; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-14-5; Ca: 9,7	

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
42	Ban Mai 4 (BM4) NPK: 12-12-8+ Vi lượng	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-12-8; Mg: 0,5; Cu: 0,07; Zn: 0,05; Mn: 0,02; B: 0,05	CT CP Ban Mai Hải Phòng
43	Ban Mai 5 (BM5) NPK: 4-4-3+ Vi lượng	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-3; Mg: 0,5; Cu: 0,07; Zn: 0,05; Mn: 0,02; B: 0,05	
70	Amino Acid - Liquid	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-5-1; Ca: 0,03; Mg: 0,06; SO ₄ ²⁻ : 5,5; Cl: 0,7; Na: 0,75; Alanine: 0,4; Axit Glutamic: 2,1; Methionine: 0,1; Betaine: 2,7; Isthidine: 0,3; Threonine: 2,8; Cysteine: 0,2; Lysine: 2,1; Tryptophane: 0,01	CT TNHH Hữu Nông

Quyết định số 10/2007/QĐ-BNN ngày 6/2/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT	Tên phân bón	Đơn	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá
----	--------------	-----	--	-------------

		vị		nhân đăng ký
8	Cá Vàng 3-3-2	%	HC: 25; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-2; MgO: 0,5; CaO: 0,5	CT TNHH SX-TM Vân Nguyên
		ppm	Cu: 50; Zn: 200; B: 100	
9	Cá Vàng 0-3-0 + vi lượng 4%	%	HC: 30; P ₂ O ₅ : 3; MgO: 2; CaO: 4; Cu: 0,25; Zn: 1,5; B: 0,5; Fe: 1	

Quyết định số 67/2007/QĐ-BNN ngày 10/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
5	HT-Orchid. 14	%	HC: 41,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Độ ẩm: 25	CS SX&KD Phân bón Hải Tiên

Quyết định số 84/2007/QĐ-BNN ngày 4/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. PHÂN HỮU CƠ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	MV (Liquid Cancium Nitrate)	%	HC: 30; N-K ₂ O: 5-1	CT TNHH MIWON Việt Nam; CT TNHH NN Hữu Cơ
			pH: 6,5-7,5	

II. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
7	CP1	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-1	TT NCPB&DD Cây Trồng; CT TNHH DVTM Việt Giang
8	CP2	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2	

Quyết định số 102/2007/QĐ-BNN ngày 11/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
3	Bình Châu (PRO-III)	%	HC: 15,0; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,0-1,0-1,0	CT TNHH DV SX Cát Hà
		CFU/g	VSV _(P,X) : 1x10 ⁶ mỗi loại	

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
88	TL-Smart Basfoliar K 10.0.35,5.3%Zn	%	N-K ₂ O: 10,0-35,0; Mg: 5; Zn: 3	DN TN TMDV & VTNN Tiến Nông
89	TL-Smart Basfoliar Combi Stipp	%	N: 9,0; CaO: 15; B: 0,2; Mn: 0,5; Zn: 0,1	

Quyết định số 59/2008/QĐ-BNN ngày 9/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

V. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
4	Đa Lộc 01	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-4-2; Độ ẩm: 25	CT TNHH Thương mại Xây dựng Đa Lộc
		ppm	Zn: 100; Mn: 200; Cu: 50	
			pH _{KCl} : 7	
5	Đa Lộc 02	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 5-8-4; Ca: 3; NAA: 0,2; Độ ẩm: 25	
		ppm	Zn: 200; B: 50; Mn: 200	
			pH _{KCl} : 7	
6	Đa Lộc 03	%	HC: 15; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-5-6; Ca: 3; GA ₃ : 0,2; Độ ẩm: 25	
		ppm	Zn: 200; Mn: 200; B: 50	
			pH _{KCl} : 7-7,5	
33	Trâu Vàng số 9	%	HC: 18; Axit Humic: 2,4; N-P ₂ O _{5hh} : 3-6; CaO: 2; MgO: 2,5; S: 1; Độ ẩm :25	CT TNHH SX TM DV Thiên Minh V.N
			pH _{KCl} : 6-7	
34	Trâu Vàng số 10	%	HC: 18 (Axit Humic: 2,4); N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-2-4; CaO: 1; MgO: 1,5; S: 1; Độ ẩm :25	
		ppm	B: 100; Cu: 100; Mn: 100; Zn: 300	
			pH _{KCl} : 6-7	
35	Hữu cơ khoáng	%	HC: 20; Axit Humic: 1,5; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3,5-3,2-2,5	CT TNHH SX-TM PB Trung Việt

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
8	Trâu Vàng số 1	%	HC: 25 (Axit Humic: 1); N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-1; CaO: 1,5; MgO: 1,5; S: 1; Độ ẩm :25	CT TNHH SX

			pH _{KCl} : 6-7	TM DV Thiên Minh V.N
9	Trâu Vàng số 7	%	HC: 25 (Axit Humic: 2,3); N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-3-1; CaO: 2,5; MgO: 2,5; S: 1; Độ ẩm :25	
			pH _{KCl} : 6-7	

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
2	Đa Lộc	%	HC: 23; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2,5-2,5-1,5; Ca: 3; S: 1; Độ ẩm: 30	CT TNHH Thương mại Xây dựng Đa Lộc
		ppm	Cu: 40; Mn: 600; Zn: 200; Fe: 1000	
		Cfu/g	VSV (N): 8,8x10 ⁶ ; VSV (P): 1,3x10 ⁶ ; VSV (X): 8,0x10 ⁶	
			pH _{KCl} : 6,4	

Quyết định số 79/2008/QĐ-BNN ngày 8/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
8	HC5 + TE	%	HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-1-1; MgO: 4; CaO: 2; Độ ẩm: 25	CT CP Phân bón Việt Mỹ

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
24	LN. 10-8-5+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-8-5	Công ty TNHH SXTMDV
		ppm	Cu: 100; Mg: 150; Zn: 100; Mo: 80; B: 200; Mn: 80; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 150; GA3: 250	

			pH _{KCl} : 6-7	Lợi Nông
26	LN 4-8-4+TE+ Axit Humic 5%	g/l	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-8-4; S: 2; Fe: 0,2; Mg: 0,35; Ca: 3,4; Zn: 0,04; NAA: 0,1	
			pH _{KCl} : 6-7	